

Số: 4162/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014; Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bất động sản; Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý và phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 8 về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1969/TTr-SXD ngày 06/9/2019 và Văn bản số 2536/SXD-QLN₂ ngày 22/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, với những nội dung chi tiết tại Kế hoạch kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBMTTQ tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP;
- Trung tâm TT-CB-TH;
- Lưu: VT, XD₁.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Tiến Hưng

**KẾ HOẠCH
Phát triển nhà ở tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 23/12/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định vị trí, khu vực phát triển nhà ở đến năm 2025, và hàng năm trong giai đoạn triển khai kế hoạch.
- Xác định quy mô dự án phát triển nhà ở bao gồm số lượng, diện tích sàn xây dựng nhà ở hàng năm trong giai đoạn triển khai kế hoạch.
- Cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh theo Chương trình phát triển nhà ở tỉnh đến năm 2030 đã được phê duyệt.
- Góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, phát triển nhà ở khu vực đô thị văn minh, hiện đại; phát triển nhà ở khu vực nông thôn đồng bộ và phù hợp với mục tiêu của chương trình nông thôn mới, từng bước cải thiện chất lượng nhà ở cho người dân; nâng cao công tác chỉnh trang đô thị, xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh, đồng bộ với sự phát triển của chung của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Phù hợp với nhu cầu nhà ở của tỉnh trong Chương trình phát triển nhà ở; đảm bảo tuân thủ pháp luật về nhà ở, quy hoạch, kế hoạch do các cấp phê duyệt và các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành.
- Chỉ tiêu phát triển nhà ở trong kế hoạch phải được xác định là một trong những chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với từng thời kỳ điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Vị trí, khu vực thực hiện các dự án phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh

- 1.1. Vị trí phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị và khu dân cư: *Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo.*
- 1.2. Vị trí phát triển nhà ở xã hội: *Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo.*
- 1.3. Vị trí phát triển dự án tái định cư: *Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo.*

2. Kế hoạch triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở

Chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo.

3. Các chỉ tiêu về phát triển nhà ở toàn tỉnh

3.1. Chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân

- Đến năm 2020, diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đạt 25,3m²/người (trong đó: Khu vực đô thị đạt 30,0m²/người; khu vực nông thôn đạt 24,6m²/người).

- Đến năm 2025, diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đạt 28,0m²/người (trong đó: Khu vực đô thị đạt 32,0m²/người; khu vực nông thôn đạt 26,4m²/người).

3.2. Chỉ tiêu về diện tích nhà ở tối thiểu

Diện tích nhà ở tối thiểu toàn tỉnh đến năm 2020 đạt 8,5m²/người, đến năm 2025 đạt 10m²/người.

3.3. Chỉ tiêu về tổng diện tích sàn nhà ở cần đầu tư xây dựng trong từng năm 2019, 2020 và giai đoạn 2021-2025

- Tổng diện tích sàn tăng thêm giai đoạn 2019-2020 là 2.087.481m² sàn. Trong đó:

+ Năm 2019: 938.734m² sàn.

+ Năm 2020: 1.148.747m² sàn.

- Giai đoạn 2021-2025, tổng diện tích sàn nhà ở tăng thêm là 6.775.000m² sàn. Trung bình mỗi năm phát triển thêm 1.355.000m² sàn.

3.4. Chỉ tiêu về diện tích, tỷ lệ các loại nhà ở cần đầu tư xây dựng trong từng năm 2019, 2020 và giai đoạn 2021-2025

a) Giai đoạn 2019-2020

Tổng diện tích tăng thêm của các loại nhà ở là 2.087.481m² sàn. Trong đó:

- Nhà ở thương mại: 450.000m² sàn (chiếm tỷ lệ 21,6%).

- Nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp: 44.481m² sàn (chiếm tỷ lệ 2,1%).

- Nhà ở riêng lẻ người dân tự xây: 1.479.550m² sàn (chiếm tỷ lệ 70,9%).

- Nhà ở theo chương trình mục tiêu: 113.450m² sàn (chiếm tỷ lệ 5,4%).

Diện tích sàn đưa vào sử dụng của các loại nhà ở trong từng năm 2019 và 2020 như sau:

- Nhà ở thương mại:

+ Năm 2019: 142.234m² sàn.

+ Năm 2020: 307.766m² sàn.

- Nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp (giai đoạn 2019-2020): 44.481m² sàn.

- Nhà ở riêng lẻ do người dân tự xây dựng:

+ Năm 2019: 702.019m² sàn.

+ Năm 2020: 777.531m² sàn.

- Nhà ở theo chương trình mục tiêu:

+ Năm 2019: 50.000m² sàn.

+ Năm 2020: 63.450m² sàn.

b) Giai đoạn 2021-2025

Tổng diện tích sàn tăng thêm của các loại nhà ở là 6.775.000m². Trong đó:

- Nhà ở thương mại: 500.000m² sàn.

- Nhà ở xã hội: 93.000m² sàn (nhà ở cho công nhân, người lao động: 18.000m² sàn; nhà ở cho người thu nhập thấp: 75.000m² sàn).

- Nhà ở riêng lẻ do người dân tự xây dựng: 6.182.000m² sàn.

3.5. Chỉ tiêu về diện tích sàn xây dựng nhà ở xã hội để cho thuê

- Giai đoạn 2019 - 2020, diện tích nhà ở xã hội cho thuê: 6.366m² sàn.

- Giai đoạn 2021 - 2025, diện tích nhà ở xã hội cho thuê: 18.000m² sàn.

3.6. Vốn và nguồn vốn thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở

a) Về vốn

- Vốn phát triển nhà ở giai đoạn 2019-2020 khoảng 15.250 tỷ đồng. Bao gồm:

+ Vốn phát triển nhà ở thương mại khoảng 4.425 tỷ đồng (năm 2019 khoảng 1.399 tỷ đồng; năm 2020 khoảng 3.026 tỷ đồng).

+ Vốn phát triển nhà ở xã hội khoảng 706 tỷ đồng (năm 2019 khoảng 356 tỷ đồng; năm 2020 khoảng 350 tỷ đồng).

+ Vốn phát triển nhà ở riêng lẻ của người dân khoảng 9.835 tỷ đồng (năm 2019 khoảng 4.667 tỷ đồng; năm 2020 khoảng 5.168 tỷ đồng).

+ Vốn phát triển nhà ở mục tiêu khoảng 284 tỷ đồng (năm 2019 khoảng 125 tỷ đồng; năm 2020 khoảng 159 tỷ đồng).

- Vốn phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025 khoảng 51.625 tỷ đồng. Bao gồm:

+ Vốn phát triển nhà ở thương mại khoảng 4.917 tỷ đồng.

+ Vốn phát triển nhà ở xã hội khoảng 758 tỷ đồng (vốn phát triển nhà ở cho công nhân 147 tỷ đồng; vốn phát triển nhà ở cho người thu nhập thấp 611 tỷ đồng).

+ Vốn phát triển nhà ở riêng lẻ của người dân khoảng 45.950 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn

Dự kiến các nguồn vốn để phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

- Phát triển nhà ở thương mại bằng nguồn vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng.v.v..

- Nhà ở riêng lẻ do người dân tự xây dựng từ nguồn vốn tích lũy thu nhập của các hộ gia đình.

- Vốn đầu tư xây dựng nhà ở xã hội: Từ nguồn vốn của doanh nghiệp; vốn vay các tổ chức tín dụng ưu đãi; vay Ngân hàng chính sách xã hội; ngân sách thu từ các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị có quy mô dưới 10 ha tại các đô thị loại 3 trở lên và quy hoạch là đô thị loại 3 trở lên nhưng không quy hoạch quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội; nguồn hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật (nếu có).v.v..

3.7. Diện tích đất ở tăng thêm để xây dựng nhà ở

a) Giai đoạn 2019-2020

Diện tích đất phát triển nhà ở khoảng 1.345,37 ha. Bao gồm:

- Diện tích đất phát triển nhà ở thương mại, khu dân cư, khu đô thị là 1.154,1 ha
- Diện tích đất phát triển nhà ở xã hội là 3,97 ha.
- Diện tích đất tái định cư 187,3 ha.

b) Giai đoạn 2021-2025

Diện tích đất phát triển nhà ở khoảng 4.426,1 ha. Bao gồm:

- Diện tích đất phát triển nhà ở thương mại, khu dân cư, khu đô thị là 3.771,1 ha
- Diện tích đất phát triển nhà ở xã hội là 47,1 ha.
- Diện tích đất tái định cư 607,9 ha.

III. GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách

- Triệt để thực hiện nguyên tắc phát triển nhà ở phải đồng bộ với mức độ phát triển hạ tầng kỹ thuật.

- Thiết lập danh mục ưu tiên các dự án đầu tư hạ tầng cùng dự kiến quỹ đất gắn liền trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố nhằm công khai kêu gọi đầu tư.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong việc đầu tư xây dựng phát triển nhà ở rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục về chủ trương đầu tư, thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, giao đất, cấp phép xây dựng, ...

2. Giải pháp về đất ở

- Dành quỹ đất cho việc phát triển nhà ở đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch phân khu đã được phê duyệt, trong đó đặc biệt quan tâm tới quỹ đất, quỹ nhà ở để bố trí tái định cư phục vụ cho nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng và chỉnh trang đô thị.

- Rà soát, bố trí 20% quỹ đất tại các dự án nhà ở thương mại, dự án phát triển đô thị tại các đô thị từ loại 3 trở lên và khu vực quy hoạch là đô thị từ loại 3 trở lên để thúc đẩy triển khai đầu tư xây dựng, tạo lập quỹ nhà ở xã hội tại khu vực đô thị của tỉnh; trong trường hợp chủ đầu tư không triển khai hoặc chậm triển khai thực hiện theo tiến độ đã được phê duyệt, thực hiện thu hồi và giao các nhà đầu tư có năng lực để triển khai đầu tư xây dựng, tránh lãng phí quỹ đất.

- Đối với các dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, yêu cầu các nhà đầu tư phải có phương án giải quyết nhà ở cho người lao động.

3. Giải pháp về nguồn vốn

- Tăng cường kêu gọi, xúc tiến đầu tư để huy động nguồn xã hội hóa từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển nhà ở.

- Khuyến khích người dân tham gia góp vốn phát triển nhà ở bằng hình thức góp đất, góp nhà, vốn để nhận lợi tức bằng sản phẩm (đặc biệt là các hộ dân trong diện giải phóng mặt bằng tại các dự án nhà ở).

- Khuyến khích mở rộng quy mô các tổ chức thiện nguyện, quỹ tình thương tại các huyện, thị xã, thành phố nhằm huy động nguồn lực thực hiện hỗ trợ đối với hộ gia đình nghèo và hộ gia đình người có công trong việc cải tạo, xây mới nhà ở.

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách thu được từ các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị có quy mô dưới 10 ha tại các đô thị loại 3 trở lên và quy hoạch là đô thị loại 3 trở lên nhưng không quy hoạch quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội (nếu có) để phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh.

4. Giải pháp về kiến trúc, quy hoạch

Xây dựng và ban hành quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc, trong đó quy định phân khu cho việc xây dựng nhà ở của từng nhóm, loại nhà ở tại khu vực đô thị và nông thôn để làm cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương quản lý quy hoạch và đầu tư xây dựng theo đơn vị hành chính.

5. Giải pháp hỗ trợ nhà ở cho các nhóm đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội

- Rà soát quy hoạch, bố trí quỹ đất phát triển nhà ở công nhân, tạo điều kiện về giải phóng mặt bằng, thủ tục hành chính để đầu tư phát triển nhà ở công nhân theo Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất”, đầu tư xây dựng nhà ở lưu trú cho công nhân, nhà trẻ, siêu thị và các công trình văn hóa, thể thao, v.v., để nâng cao đời sống công nhân trong các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Giới thiệu địa điểm, tạo điều kiện trong việc hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư đối với dự án phát triển nhà ở xã hội trong đó có nhà ở công nhân. Đẩy mạnh tổ chức kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh nhà trọ cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang nhà trọ đảm bảo các điều kiện tối thiểu về sinh hoạt cho công nhân, người lao động tại các khu công nghiệp.

- Thực hiện đa dạng hóa các phương thức đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, chủ yếu sử dụng vốn ngoài ngân sách; ưu tiên sử dụng vốn ngân sách để đầu tư xây dựng các nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước để cho thuê.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công chức, người lao động có thu nhập thấp được tiếp cận nguồn vay ưu đãi từ ngân hàng chính sách xã hội, tổ chức tín dụng với lãi suất thấp hơn thị trường, đồng thời kéo dài thời gian vay mua nhà để giảm áp lực trả nợ và tăng số tiền khách hàng được vay.

- Ưu tiên phát triển nhà ở thương mại giá thấp và nhà ở xã hội cho thuê để đáp ứng nhu cầu rất lớn về nhà ở cho người thu nhập thấp tại khu vực đô thị, công nhân, người lao động tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh được thuê, thuê mua.

- Ưu tiên, hỗ trợ các chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội được tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi để xây dựng nhà ở xã hội cho thuê.

- Nghiên cứu thí điểm các cơ chế cho phép các dự án nhà ở thương mại giá thấp và nhà ở cho thuê được đóng tiền sử dụng đất hàng năm để giảm áp lực tài chính cho chủ đầu tư.

6. Giải pháp phát triển thị trường nhà ở và quản lý sử dụng nhà ở

- Tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý thị trường bất động sản đặc biệt là phân khúc nhà ở thông qua việc hoàn thiện xây dựng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản. Qua đó, thực hiện phê duyệt các dự án phát triển nhà ở đảm bảo phù hợp với nhu cầu và tính khả thi trong phương án triển khai thực hiện.

- Khuyến khích sự hợp tác giữa chủ đầu tư và ngân hàng để đảm bảo nguồn vốn triển khai đầu tư xây dựng các dự án cũng như hỗ trợ cho vay vốn với người mua nhà tại dự án.

- Khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực bất động sản cao cấp - như khách sạn, khu nghỉ dưỡng, căn hộ cao cấp và hạ tầng các khu công nghiệp cần vốn đầu tư lớn cũng như các khu đô thị lớn mang tính đặc thù.

7. Giải pháp về công nghệ

Khuyến khích thiết kế và áp dụng mô hình nhà ở sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Xem xét ban hành thiết kế mẫu nhà ở phù hợp với khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai, lũ lụt; nhà ở ứng với biến đổi khí hậu.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1.1. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở; hướng dẫn, đôn đốc và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện theo thẩm quyền và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định đối với trường hợp vượt thẩm quyền; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện theo định kỳ vào giữa quý IV hàng năm.

- Đề xuất phương án kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý và phát triển nhà của tỉnh, của UBND các huyện, thành phố, thị xã nhằm đảm bảo điều kiện và năng lực thực hiện, báo cáo UBND tỉnh xem xét.

- Tiếp nhận các thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp để tích hợp, cập nhật bổ sung các thông tin vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

- Phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội lập kế hoạch hàng năm việc hỗ trợ về nhà ở cho các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng và hộ nghèo theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan rà soát nhu cầu nhà ở của các đối tượng cán bộ công chức, viên chức; sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, người lao động tại các doanh nghiệp trong và ngoài các khu công nghiệp, sinh viên, học sinh; xây dựng kế hoạch kêu gọi đầu tư các dự án nhà ở xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, yêu cầu UBND các huyện, thành phố, thị xã và chủ đầu tư báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất các dự án nằm trong danh mục dự kiến hoàn thiện và các dự án đã được quyết định đầu tư.

1.2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu việc bố trí kế hoạch vốn phát triển nhà ở hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng khung giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội trình UBND tỉnh quyết định.

1.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, bổ sung, cập nhật các chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển nhà ở vào Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã tham mưu, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình một số dự án bất động sản để cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

1.4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng cân đối quỹ đất phát triển nhà ở và quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội phù hợp với kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh được phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, rà soát quỹ đất đã giao cho các chủ đầu tư để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi đất đối với các dự án chậm triển khai hoặc không thực hiện để giao cho các chủ đầu tư khác thực hiện đáp ứng yêu cầu tiến độ.

- Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình giao dịch đất ở để cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

1.5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các cơ quan, địa phương liên quan rà soát nhu cầu nhà ở của các hộ chính sách, người có công với cách mạng, hộ nghèo cần hỗ trợ nhà ở trong quá trình triển khai thực hiện.

1.6. Sở Giao thông Vận tải

Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc phát triển mạng lưới giao thông nhằm thúc đẩy phát triển các dự án nhà ở.

1.7. Ngân hàng Chính sách xã hội

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội để quản lý nguồn vốn và quản lý việc sử dụng nguồn vốn phát triển nhà ở xã hội cho các hộ chính sách, người có công với cách mạng, hộ nghèo.

- Thực hiện huy động tiền gửi tiết kiệm của hộ gia đình, cá nhân trong nước để cho các đối tượng xã hội có nhu cầu mua, thuê mua nhà ở xã hội vay với lãi suất ưu đãi và thời hạn vay dài hạn.

1.8. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh

Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan đánh giá, xác định nhu cầu về nhà ở của công nhân, người lao động làm việc tại các KCN để có cơ sở lập và triển khai các dự án phát triển nhà ở dành cho công nhân KCN.

1.9. Liên Đoàn lao động tỉnh

Phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất”.

1.10. Cục Thuế tỉnh

Phối hợp với Sở xây dựng trong việc cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trong phạm vi quyền hạn được giao.

1.11. Các Sở, Ban, ngành khác có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp, cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan cho các đơn vị được giao chủ trì trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

- Tổ chức, chỉ đạo triển khai kế hoạch phát triển nhà ở và thực hiện quản lý nhà nước về nhà ở trên địa bàn quản lý. Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn và gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất.

- Tổ chức thu thập thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trong phạm vi quản lý trên địa bàn và gửi về Sở Xây dựng định kỳ hàng quý hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

- Rà soát và lựa chọn quỹ đất phù hợp với các quy hoạch liên quan để giới thiệu địa điểm thực hiện các dự án phát triển nhà ở, gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh.

- Tổ chức cấp phép xây dựng nhà ở tại khu vực đô thị theo phân cấp, đồng thời thực hiện và phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện kiểm tra, giám sát việc xây dựng nhà ở sau cấp phép, xử lý các trường hợp xây dựng nhà ở trái phép, không phép theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Thực hiện quản lý xây dựng nhà ở tại khu vực nông thôn theo quy định của pháp luật hiện hành; tổng hợp số liệu về tình hình xây dựng nhà ở khu vực nông thôn do UBND cấp xã báo cáo.

3. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án nhà ở

- Triển khai thực hiện các dự án phát triển nhà ở theo đúng nội dung và tiến độ đã được phê duyệt.

- Xây dựng kế hoạch và lộ trình thực hiện đối với khu đất đầu tư; khẩn trương triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng theo đúng quy định; cân đối nguồn vốn để xây dựng cụ thể lộ trình, tiến độ thực hiện để đảm bảo tuân thủ các quy định về lập dự án đầu tư theo quy định.

- Thực hiện báo cáo tiến độ dự án theo định kỳ hoặc đột xuất làm căn cứ đánh giá kết quả triển khai kế hoạch phát triển nhà ở.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản và pháp luật có liên quan.

Quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu báo cáo UBND tỉnh để xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Tiến Hưng

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÀ Ở THƯỜNG MẠI, KHU ĐÔ THỊ VÀ KHU DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

STT	Khu vực/Dự án	Quy mô dự án (ha)
	Toàn tỉnh (185 dự án)	4.925,2
I	Thành phố Hà Tĩnh (39 dự án)	1.038,0
1	Khu đô thị bắc TP Hà Tĩnh	9,1
2	KĐT mới xã Thạch Trung	10,0
3	Khu đô thị Vinhomes New Center	2,0
4	Chung cư Winhouse	0,1
5	TTTM BMC - Việt Trung	4,8
6	Khu đô thị tại xã Thạch Trung	16,0
7	KĐT Hà Huy Tập	25,0
8	Khu phức hợp Sông Đông, phường Thạch Linh	6,3
9	KĐT Nam Cầu Phủ	49,9
10	KĐT hai bên đường Ngô Quyền, xã Thạch Trung	42,5
11	KĐT Văn Yên	77,0
12	KĐT Hàm Nghi	142,0
13	KĐT thông minh tại Thạch Hưng, Thạch Đồng và Thạch Quý	298,0
14	KĐT xã Thạch Trung	20,0
15	KĐT Lam Hồng Green Park	220,7
16	KDC Trung Quý, Thạch Quý	1,0
17	KDC khu nam Nguyễn Du, Thạch Quý	1,0
18	KDC TTHC xã Thạch Hưng	8,2
19	KDC Tân Tây Học, Thạch Hạ (gđIII)	0,8
20	KDC Tân Tây Học, Thạch Hạ (gđIV)	0,7
21	Khu QH dân cư Liên Hà, Thạch Hạ	1,5
22	Khu hạ tầng dân cư Khối phố 7 phường Nguyễn Du	4,3
23	Khu hạ tầng dân cư khối phố 6 phường Hà Huy Tập	5,0
24	Khu hạ tầng dân cư khối phố 7 phường Hà Huy Tập	5,0
25	Khu dân cư Đồng Ráy GĐ 2 phường Trần Phú	1,2
26	Khu dân cư Đồi Quang xã Thạch Đồng	4,0
27	Khu dân cư trung tâm hành chính xã Thạch Hưng GĐ 2	3,0
28	Khu dân cư phía Nam đường Nguyễn Du	2,5
29	Khu hạ tầng dân cư khối phố 4 và 7 phường Hà Huy Tập	4,8
30	Khu hạ tầng dân cư Đồng Dài phường Hà Huy Tập	5,0
31	Khu dân cư phía Tây đường phía Tây trường Lê Văn Thiêm	1,8

STT	Khu vực/Dự án	Quy mô dự án (ha)
32	Khu dân cư Đồng Xay GD 2 xã Thạch Trung	2,5
33	Khu dân cư xóm Tân Phú xã Thạch Trung	4,5
34	Khu dân cư Cầu Ngan xã Thạch Hạ	4,9
35	Dự án HTKT đô thị quỹ đất hoàn trả cho Dự án tháo dỡ, xây mới DZ 110kV và 220kV đi chung phục vụ GPMT, PT quỹ đất phía Tây TP Hà Tĩnh tại phường Thạch Linh, xã Thạch Đài, Thạch Tân	4,2
36	Nhà cao tầng khu đô thị dự án KĐT phía Bắc	0,4
37	Khu dân cư phía Đông Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Tĩnh phường Nguyễn Du	1,5
38	Khu đô thị tại phường Đại Nài	26,0
39	Khu đô thị tại phường Thạch Quý	20,9
II	Thị xã Hồng Lĩnh (7 dự án)	180,7
1	Phường Đậu Liêu	
	GD1	24,3
	GD2	69,9
2	Phường Nam Hồng	
	GD1	14,2
	GD2	17,8
3	Phường Bắc Hồng	
	Nhà ở thương mại đến năm 2020	3,7
4	Đức Thuận	
	GD1	7,3
	GD2	14,5
5	Trung Lương	
	GD1	5,3
	GD2	11,7
6	Xã Thuận Lộc	
	Nhà ở thương mại đến năm 2020	4,0
7	Khu dân cư tổ dân phố 6 Đậu Liêu	8,1
III	Huyện Hương Sơn (4 dự án)	101,5
1	Khu dân cư Nam Phố Châu	6,4
2	Khu dân cư Bắc Phố Châu (1+2)	27,1
3	Khu dân cư đô thị phía Tây thị trấn Phố Châu	18,0
4	Khu dân cư nông thôn các tại xã: Sơn Châu, Sơn An, Sơn Lễ, Sơn Trung, Sơn Phú, Sơn Bằng, Sơn Diệm, Sơn Giang, Sơn Tây	50,0
IV	Huyện Đức Thọ (6 dự án)	48,1
1	Khu nhà ở kết hợp DVTM thị trấn Đức Thọ	11,7
2	Khu nhà ở kết hợp TMDV xã Tùng Ảnh (OMT 02)	3,8
3	Khu nhà ở tại trường THCS Hoàng Xuân Hãn cũ, thị trấn Đức Thọ	0,7
4	Khu nhà ở thị trấn Đức Thọ (OM 09-12)	12,8

STT	Khu vực/Dự án	Quy mô dự án (ha)
5	Khu nhà ở xã Tùng Ảnh (OM 05 OM 06; OM 07;OM 08	14,2
6	Khu dân cư nông thôn tại xã Trung Lễ	5,0
V	Huyện Nghi Xuân (29 dự án)	2.360,8
1	Dự án Xuân Thành Paradise Golf & Resort	121,2
2	Khu Đô thị Xuân An (Giai đoạn 1)	27,3
3	Khu Đô thị Xuân An (Giai đoạn 2)	93,0
4	Khu du lịch sinh thái và khách sạn tại thị trấn Xuân An	5,3
5	Khu đô thị nam bờ Sông Lam	18,8
6	Khu đô thị sinh thái ParkCity Xuân An	27,0
7	Khu đô thị sinh thái, du lịch, vui chơi giải trí đảo Xuân Giang 2 và vùng ven sông Lam	465,0
8	Khu dân cư đô thị Đông Dương tại xã Cương Gián	6,3
9	Khu dân cư NTM Lòng Bồng, xã Cương Gián	9,0
10	Khu dân cư thôn Song Long xã Cương Gián	4,9
11	Khu dân cư thôn Cường Thịnh, xã Xuân Liên	27,9
12	Khu dân cư NTM xã Cổ Đạm	10,0
13	Khu dân cư NTM xã Xuân Mỹ	30,0
14	Khu dân cư NTM Trường Thanh, Trường Vĩnh, Trường Hải, xã Xuân Trường	3,6
15	Khu dân cư NTM thôn Trường Quý, xã Xuân Trường	4,9
16	Khu dân cư NTM thôn Trung Vân, xã Xuân Hải	4,9
17	Khu đô thị mới Nghi Xuân	60,0
18	Khu đô thị dịch vụ nam cầu Bến Thủy 2, TT Xuân An	5,0
19	Khu dân cư thôn xã Xuân Giang (tại các thôn Hồng Nhất, Hồng Thịnh)	11,5
20	Khu dân cư thôn Hồng Tiến, Hồng Khánh xã Xuân Giang	19,3
21	Khu đô thị mới Xuân Thành	113,2
22	Khu dân cư NTM xã Xuân Hồng	14,5
23	Khu du lịch sinh thái biển Xuân Hội (biệt thự nghỉ dưỡng)	93,0
24	Khu đô thị du lịch Xuân Trường	625,0
25	Khu đô thị du lịch Xuân Đan-Xuân Phồ	265,0
26	Khu đô thị du lịch dịch vụ Xuân Yên	50,0
27	Khu đô thị du lịch dịch vụ Cương Gián	260,0
28	Khu dân cư thôn Thanh Văn xã Xuân Thành	6,1
29	Khu dân cư thôn 8 và thôn 11 xã Cổ Đạm	7,0
VI	Huyện Can Lộc (28 dự án)	87,8
1	Tổ hợp thương mại, tài chính, dịch vụ nhà ở Thiên Lộc	11,1
2	Hạ tầng khu dân cư đô thị xứ Đồng Biên và KDC sân vận động huyện, Thị trấn Nghèn	12,0
3	Khu dân cư Trung Hải, Thiên Lộc	9,0

STT	Khu vực/Dự án	Quy mô dự án (ha)
4	Khu dân cư vùng Hồ Thông, Khúc Cá, Thị trấn Nghèn	5,2
5	Khu dân cư tại thị trấn Nghèn	20,0
6	Khu dân cư xã Thiên Lộc	6,9
7	Khu dân cư xã Mỹ Lộc	7,0
8	Khu dân cư xã Tùng Lộc	10,0
	Quy hoạch đất ở (đấu giá) tại các xã, thị trấn:	
9	Thôn Làng Hội, xã Khánh Lộc	0,3
10	Thôn Kim Thịnh, xã Kim Lộc	0,2
11	Thôn Phúc Yên, xã Song Lộc	0,5
12	Thôn Đông Vịnh, xã Song Lộc	0,3
13	Thôn Thanh Tân, xã Thanh Lộc	0,2
14	Thôn Thanh Tiến, xã Thanh Lộc	0,2
15	Thôn Thanh Sơn, xã Thanh Lộc	0,3
16	Đông Sa Lạc, xã Thiên Lộc	0,4
17	Đông Lộng, Nhà Tọp, Kháo, xã Thiên Lộc	0,9
18	Thôn Thượng Gia, Sơn Thịnh, xã Tiến Lộc	0,3
19	Thôn Nam Mỹ, xã Trung Lộc	0,2
20	Thôn Bắc Tân Dân, xã Tùng Lộc	0,4
21	Thôn Phú Thọ, xã Tùng Lộc	0,4
22	Thôn Tứ Xuyên, đồng Con Mây, xã Vĩnh Lộc	0,6
23	Đông Rooc, Thôn Hạ Triều, xã Vĩnh Lộc	0,5
24	Khối 12, Thị trấn Nghèn	0,2
25	Thôn Thượng Thăng, xã Khánh Lộc	0,2
26	Thôn Đồng Thanh, xã Thượng Lộc	0,2
27	Thôn Đình Cương, xã Trung Lộc	0,2
28	Thôn Minh Tiến, xã Tùng Lộc	0,2
VII	Huyện Hương Khê (03 dự án)	30,0
1	Nhà ở thương mại tại tổ dân phố 16, 18 thị trấn Hương Khê	20,0
2	Khu dân cư Đông Trà - xã Hương Trà	5,0
3	Khu dân cư thôn 4, thôn 6 xã Phúc Đồng	5,0
VIII	Huyện Thạch Hà (13 dự án)	236,2
1	Dự án nhà ở tại xã Thạch Đài và Thạch Tân	15,0
2	Khu shophouse và hạ tầng nông thôn xã Thạch Đài	7,0
3	Khu đô thị phía Nam đường Hàm Nghi (khu vực huyện Thạch Hà)	13,0
4	Khu dân cư đô thị tại thị trấn Thạch Hà	42,0
5	Dự án nhà ở thôn 18 xã Thạch Tân	6,2
6	Xã Thạch Long	50,0
7	Xã Thạch Sơn	5,0
8	Xã Thạch Đình	3,0

STT	Khu vực/Dự án	Quy mô dự án (ha)
9	Xã Thạch Khê	15,0
10	Xã Thạch Văn	30,0
11	Dọc đường DT 550, xã Thạch Khê	4,0
12	Khu dân cư xã Thạch Tân	40,0
13	Khu dân cư tại xã Tượng Sơn	6,0
IX	Huyện Cẩm Xuyên (12 dự án)	338,7
1	Dự án khu dân cư đô thị ven Sông Hội, thị trấn Cẩm Xuyên (gđ2)	21,3
2	Dự án khu dân cư đô thị trung tâm thị trấn Thiên Cẩm	50,0
3	Đa Tổ hợp sân Gold, du lịch nghỉ dưỡng và đô thị ven biển	150,0
4	Dự án khu đô thị Cẩm Vịnh giai đoạn 2	8,1
5	Dự án khu đô thị Bắc thị trấn Cẩm Xuyên	25,0
6	Dự án xây dựng khu dân cư tại nút GT đường tránh QL 1A, Cẩm Vịnh	24,4
7	Dự án xây dựng khu dân cư tại Tổ dân phố Trần Phú, Thiên Cẩm	4,2
8	Dự án chợ, hạ tầng đất ở Khu dân cư nông thôn xã Cẩm Thành	4,0
9	Dự án khu đô thị Cẩm Vịnh	7,8
10	Dự án khu đô thị Nam Cẩm Xuyên (Thuộc QH khu đô thị Nam Cẩm Xuyên)	25,0
11	Khu dân cư nông thôn xã Cẩm Lĩnh	12
12	Khu dân cư nông thôn Cẩm Huy	7,0
X	Huyện Kỳ Anh (13 dự án)	89,8
1	Khu dân cư Phú Nhân Nghĩa	9,9
2	Khu dân cư nông thôn xã Kỳ Phú	5,0
3	Xã Kỳ Đồng	57,8
4	Xã Kỳ Giang	8,0
5	Xã Kỳ Phong	2,3
6	Xã Kỳ Sơn	1,5
7	Xã Kỳ Thượng	0,4
8	Xã Kỳ Khang	0,8
9	Xã Kỳ Thọ	0,5
10	Xã Kỳ Bắc	0,3
11	Xã Kỳ Hợp	0,9
12	Xã Kỳ Tây	1,4
13	Xã Kỳ Thư	1,0
XI	Huyện Lộc Hà (06 dự án)	44,9
1	Khu tổ hợp khách sạn, vui chơi giải trí biển Lộc Hà	3,4
2	Khách sạn, biệt thự nghỉ dưỡng	8,8
3	Hạ tầng đấu giá huyện Lộc Hà, xã Thạch Bằng	13,2
4	Khu đô thị Thạch Bằng	7,6

STT	Khu vực/Dự án	Quy mô dự án (ha)
5	XD hạ tầng và đấu giá đất KĐT Thạch Bằng	5,6
6	XD hạ tầng và đấu giá xã Thịnh Lộc	6,3
XII	Thị xã Kỳ Anh (24 dự án)	482,6
1	Dự án Khu nhà ở và dịch vụ đa năng do Công ty TNHH MTV Nam Phong làm chủ đầu tư	4,1
2	Dự án The Eden Khách sạn 5 sao và Chung cư do Công ty TNHH hai thành viên Human City làm chủ đầu tư	5,0
3	Khu dân cư đô thị Cánh Buồm, phường Sông Trí	9,0
4	Khu dân cư tổ dân phố 2, phường Sông Trí	6,4
5	Tổ hợp DV-TM&DC Hoa Trung và Hùng Cường, xã Kỳ Hoa	7,1
6	KĐT phường Kỳ Trinh	5,0
7	Dự án nhà ở phường Kỳ Phương	14,0
8	Khu dân cư Tân Thắng, xã Kỳ Ninh	3,1
9	Khu dân cư đô thị bờ Nam Sông Trí, phường Sông Trí	4,3
10	Khu dân cư Liên Minh, phường Kỳ Long	4,7
11	Phân lô đất ở Cầu Bàu, xã Kỳ Hưng	2,9
12	Điểm dân cư Cầu Bàu, xã Kỳ Hưng	13,2
13	Khu dân cư Nam Phong, phường Kỳ Thịnh	0,8
14	Khu dân cư Hưng Nhân, phường Sông Trí	0,9
15	Khu dân cư Hoàn Nam, phường Kỳ Liên	1,1
16	Điều chỉnh TĐC Kỳ Lợi	79,3
17	Khu du lịch biển Kỳ Ninh	160,0
18	Khu trung tâm Kỳ Thịnh	160,0
19	Khu dân cư TDP Quyền Thượng	0,6
20	Khu dân cư TDP Tây Trinh	0,2
21	Phân lô nhà văn hóa cũ Hoàng Trinh	0,1
22	Phân lô nhà văn hóa cũ Tây Trinh	0,1
23	Khu dân cư Cồn ông Lồng TDP Hòa Lộc	0,7
24	Phân lô TDP Hoàng Trinh	0,1

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 23/12/2019
của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Stt	Khu vực/Dự án	Quy mô (ha)
	Toàn tỉnh (09 dự án)	51,1
I	Thành phố Hà Tĩnh (01 dự án)	3,97
1	NOXH Thạch Linh	3,97
II	Thị xã Hồng Lĩnh (01 dự án)	4,1
1	Phường Đậu Liêu	4,1
III	Huyện Thạch Hà (02 dự án)	10,0
1	Xã Thạch Thanh	3,0
2	Xã Thạch Tân	7,0
IV	Huyện Cẩm Xuyên (02 dự án)	8,0
1	Dự án Tổ hợp sân golf, du lịch nghỉ dưỡng và đô thị ven biển	3,0
2	Dự án nhà ở xã hội Bắc thị trấn Cẩm Xuyên	5,0
V	Thị xã Kỳ Anh (03 dự án)	25,0
1	Ký túc xá Nhà ở công nhân Công ty TNHH gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh	5,9
2	Nhà ở và cho công nhân và người lao động thuê ở Khu kinh tế Vũng Áng do Tổng Công ty khoáng sản thương mại Hà Tĩnh Làm chủ đầu tư	16
3	Nhà ở Cán bộ công nhân viên Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2	3,05

PHỤ LỤC 3: DANH MỤC CÁC KHU VỰC TÁI ĐỊNH CƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 23/12/2019
của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Stt	Khu vực/Dự án	Quy mô (ha)
	Toàn tỉnh (27 dự án)	795,2
I	Huyện Hương Sơn (02 dự án)	10,0
1	Khu nhà ở TĐC tại xã Sơn Trung	5,0
2	Khu nhà ở TĐC tại xã Sơn Phú	5,0
II	Huyện Đức Thọ (02 dự án)	5,9
1	Khu tái định cư xã Yên Hồ	3,7
2	Khu tái định cư xã Đức Vĩnh	2,2
III	Huyện Nghi Xuân (04 dự án)	24,5
1	Khu TĐC di dời các hộ đê QH Khu di tích Nguyễn Công Trứ, thôn Lam Thủy, xã Xuân Giang	0,4
2	Khu tái định cư Đồng Bàu thôn Trung Vân, xã Xuân Hải	0,4
3	Khu dân cư NTM thôn 3, xã Xuân Phổ	4,3
4	Khu dân cư NTM Hội Thủy, xã Xuân Hội	10,1
2	Khu dân cư NTM Cường Thịnh, An Phúc Lộc, xã Xuân Liên	9,3
IV	Huyện Thạch Hà (05 dự án)	68,7
1	DA nhà ở Hồ Bộc Nguyên (GĐ1)	2,3
2	DA nhà ở Hồ Bộc Nguyên (GĐ2)	4,7
3	Dự án nhà ở AFD xã Thạch Long	3,0
4	Dự án HTKT chống biến đổi khí hậu của Cty AFD (T.tr Thạch Hà)	1,0
5	Dự án khai thác Mỏ sắt Thạch Khê	57,7
V	Huyện Cẩm Xuyên (01 dự án)	160,0
1	Dự án khu tái định cư tại thị trấn Thiên Cẩm	160,0
VI	Thị xã Hồng Lĩnh	7,8
	Phường Nam Hồng	7,8
VII	Huyện Kỳ Anh (03 dự án)	3,6
1	Hạ tầng tái định cư các hộ dân xung quanh nhà máy xử lý rác thải tại xã Kỳ Tân	2,3
2	Khu tái định cư vùng Cựa Lùm, xã Kỳ Đồng - Khu TĐC đường 70m thôn Đồng Tiến	0,5
3	Khu tái định cư thôn Đồng Tiến; thôn Đồng Phú và Vùng Trạng thôn Yên Sơn, xã Kỳ Đồng	0,8
VIII	Thị xã Kỳ Anh (08 dự án)	518,4
1	TĐC Kỳ Phương	110,0
2	TĐC Ba Đông, Kỳ Phương	27,0
3	TĐC Kỳ Liên	45,3
4	TĐC Kỳ Nam	2,5
5	TĐC Kỳ Lợi TPT 1	34,6
6	TĐC Kỳ Thịnh	120,0
7	TĐC Kỳ Trinh	13,0
8	TĐC Kỳ Long	137,0
9	TĐC Kỳ Lợi TPT 2,3	29,0

PHỤ LỤC 4: CÁC DỰ ÁN NHÀ Ở DỰ KIẾN HOÀN THÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 2019-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 23/12/2019
của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Stt	Loại hình nhà ở	Quy mô dự án (ha)	Chung cư cao tầng		Nhà ở thấp tầng (Biệt thự, liền kề)		Đất nền	
			Số căn	Diện tích Sàn nhà ở (m ²)	Số căn	Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lô	Diện tích (m ²)
	Tổng cộng giai đoạn 2019-2020 (48 dự án)	391,2	1.688	218.033	1.330	133.682	14.115	4.557.360
A	Dự án hoàn thành năm 2019 (20 dự án)	221,5	588	53.033	1.330	133.682	2.690	740.036
I	Thành phố Hà Tĩnh (12 dự án)	43,3	588	53.033	1.330	133.682	855	190.606
1	Khu đô thị bắc TP Hà Tĩnh (HUD)	9,1			1.330	133.682		
2	Chung cư Winhouse	0,1	100	8.552				
3	KDC Trung Quý, Thạch Quý	1,0					27	5.400
4	KDC khu nam Nguyễn Du, Thạch Quý	1,0					61	34.850
5	KDC TTHC xã Thạch Hưng	8,2					206	38.206
6	Khu hạ tầng dân cư Khối phố 7 phường Nguyễn Du	4,3					108	21.500
7	Khu hạ tầng dân cư khối phố 6 phường Hà Huy Tập	5,0					125	24.900
8	Khu hạ tầng dân cư khối phố 7 phường Hà Huy Tập	5,0					124	24.750
9	Khu dân cư Đồng Ráy GD 2 phường Trần Phú	1,2					30	6.000
10	Khu dân cư Đồi Quang xã Thạch Đồng	4,0					100	20.000
11	Khu dân cư trung tâm hành chính xã Thạch Hưng GD 2	3,0					75	15.000
12	Dự án nhà ở xã hội Thạch Linh	1,5	488	44.481				
II	Huyện Nghi Xuân (5 dự án)	167,4					1.526	485.455
1	Dự án Xuân Thành Paradise Golf & Resort	121,2					559	182.000
2	Khu Đô thị Xuân An (Giai đoạn 1)	27,3					424	146.115
3	Khu dân cư đô thị Đông Dương tại xã Cương Gián	6,3					174	52.200
4	Khu dân cư NTM Lòng Bông, xã Cương Gián	9,0					230	69.000
5	Khu dân cư NTM Trường Thanh, Trường Vĩnh, Trường	3,6					139	36.140

Stt	Loại hình nhà ở	Quy mô dự án (ha)	Chung cư cao tầng		Nhà ở thấp tầng (Biệt thự, liền kề)		Đất nền	
			Số căn	Diện tích Sàn nhà ở (m ²)	Số căn	Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lô	Diện tích (m ²)
	Hải, xã Xuân Trường							
III	Huyện Lộc Hà (01 dự án)	3,4	0	0			25	8.650
1	Khu tổ hợp khách sạn, vui chơi giải trí biển Lộc Hà	3,4					25	8.650
XIII	Thị xã Kỳ Anh (02 dự án)	7,4	0	0	0	0	144	21.600
1	Khu dân cư Tân Thăng, xã Kỳ Ninh	3,1					79	11.850
2	Khu dân cư đô thị bờ Nam Sông Trí, phường Sông Trí	4,3					65	9.750
B	Dự án hoàn thành năm 2020 (28 dự án)	169,7	1.100	165.000	0	0	11.566	3.851.049
I	Thành phố Hà Tĩnh (12 dự án)	40,9	1.100	165.000	0	0	5.767	2.125.611
1	KĐT mới xã Thạch Trung (Vinaconex)	10,0	200	50.000			520	104.000
2	Khu đô thị Vinhomes New Center	2,0	900	115.000				
3	KDC Tân Tây Học, Thạch Hạ (gđIII)	0,8					30	4.390
4	KDC Tân Tây Học, Thạch Hạ (gđIV)	0,7					45	6.696
5	Khu QH dân cư Liên Hà, Thạch Hạ	1,5					71	10.765
6	Khu dân cư phía Nam đường Nguyễn Du	2,5					63	12.500
7	Khu hạ tầng dân cư khối phố 4 và 7 phường Hà Huy Tập	4,8					119	23.750
8	Khu hạ tầng dân cư Đồng Dài phường Hà Huy Tập	5,0					124	24.750
9	Khu dân cư phía Tây đường phía Tây trường Lê Văn Thiêm	1,8					45	9.000
10	Khu dân cư Đồng Xay GĐ 2 xã Thạch Trung	2,5					63	12.500
11	Khu dân cư xóm Tân Phú xã Thạch Trung	4,5					113	22.500
12	Khu dân cư Cầu Ngan xã Thạch Hạ	4,9					123	24.500
II	Thị xã Hồng Lĩnh (05 dự án)	55,0					2.659	1.116.780
1	Phường Đậu Liêu							
	Nhà ở thương mại đến năm 2020	24,3					1.131	475.020
2	Phường Nam Hồng							
	Nhà ở thương mại đến năm 2020	14,2					663	278.460

Stt	Loại hình nhà ở	Quy mô dự án (ha)	Chung cư cao tầng		Nhà ở thấp tầng (Biệt thự, liền kề)		Đất nền	
			Số căn	Diện tích Sàn nhà ở (m ²)	Số căn	Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lô	Diện tích (m ²)
3	Đức Thuận							
	Nhà ở thương mại đến năm 2020	7,3					338	141.960
4	Trung Lương							
	Nhà ở thương mại đến năm 2020	5,3					247	103.740
5	Xã Thuận Lộc							
	Nhà ở thương mại đến năm 2020	4,0					280	117.600
III	Huyện Nghi Xuân (05 dự án)	30,1					2.281	434.702
1	Khu dân cư thôn Song Long xã Cương Gián	3,8					153	42.840
2	Khu dân cư NTM thôn Trường Quý, xã Xuân Trường	4,9					180	46.800
3	Khu dân cư NTM thôn Trung Vân, xã Xuân Hải	4,9					190	49.400
4	Khu dân cư thôn xã Xuân Giang (tại các thôn Hồng Nhất, Hồng Thịnh)	11,5					552	40.000
5	Khu dân cư Trung Hải, Thiên Lộc	5,0					200	40.000
IV	Huyện Cẩm Xuyên (03 dự án)	28,5					503	107.831
1	Dự án khu đô thị Cẩm Vịnh	7,8					141	
2	Dự án xây dựng khu dân cư tại nút GT đường tránh QL 1A, Cẩm Vịnh	24,4					387	85.360
3	Dự án xây dựng khu dân cư tại Tổ dân phố Trần Phú, Thiên Cẩm	4,2					116	22.471
V	Huyện Lộc Hà (01 dự án)	7,6					140	33.725
1	Khu đô thị Thạch Bằng	7,6					140	33.725
VI	Thị xã Kỳ Anh (02 dự án)	7,6					216	32.400
1	Khu dân cư Liên Minh, phường Kỳ Long	4,7					138	20.700
2	Phân lô đất ở Cầu Bàu, xã Kỳ Hưng	2,9					78	11.700